

Bản án số: **01/2018/ HNGĐ-ST**
Ngày 12 tháng 01 năm 2018
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Duy Khánh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Dư Thị Út**.

2- Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Bùi Công Bằng**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh B: Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 361/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị **Ong Ngọc T** – sinh năm 1985. (có mặt)

Trú tại: Số 024, đường K, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B.

** Bị đơn:* Anh **Phan Thành N** – sinh năm 1983. (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Số 024, đường K, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B;

Tạm trú: Số 49, đường H, Phường A, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 11/10/2017, bản tự khai ngày 27/10/2017, các biên bản hòa giải ngày 27/10/2017, ngày 16/11/2017 và tại phiên tòa hôm nay, chị Ong Ngọc T, là nguyên đơn trình bày: chị Ong Ngọc T và anh Phan Thành N tự nguyện chung sống năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố B, tỉnh B cấp

giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/03/2005. Sau khi kết hôn chị T và anh N chung sống tại nhà cha mẹ anh N tại số 49, đường H, Khóm A, Phường B, thành phố B, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau chị T có xảy ra mâu thuẫn với gia đình bên chồng do không đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và cuộc sống không được hạnh phúc do chị T không được anh N chia sẻ. Cách đây khoảng 03 năm chị T có yêu cầu anh N ra ngoài sống riêng nhưng anh N không đồng ý vì anh N cho rằng phải ở chung với cha mẹ già để tiện việc chăm sóc, từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, thường xuyên cãi vã. Do xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên đến tháng 4/2017 chị T đã về nhà cha mẹ ruột sống được khoảng 01 tháng thì chị T đi thành phố Hồ Chí Minh sống và tìm việc làm, được khoảng 03 tuần thì anh N lên rước chị T về và dẫn 02 con sang nhà cha mẹ ruột chị T cùng sinh sống. Chị T và anh N sinh sống bên nhà cha mẹ ruột chị T được khoảng 01 tháng nhưng vợ chồng không thể hàn gắn mâu thuẫn nên anh N đã dẫn hai con về nhà cha mẹ ruột của anh sinh sống, cho đến nay vợ chồng vẫn không thể hàn gắn để chung sống tiếp. Vào đầu tháng 5/2017 thì vợ chồng tiếp tục xảy ra cãi vã tại gia đình nhà chị T, trong lúc cãi vã anh N đã có hành vi đe dọa chị T, làm cho T lý chị thấy rất lo sợ. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, có chung sống tiếp cũng không hạnh phúc nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh N. Quá trình chung sống chị T và anh N có 02 con chung là cháu Phan Minh Hòa, sinh ngày 09/10/2004 và cháu Phan Minh Thuận, sinh ngày 09/10/2004, hiện tại các cháu đang sống chung với anh N. Khi ly hôn chị T đồng ý giao 02 con chung cho anh N nuôi dạy và chị yêu cầu được quyền thăm nom con chung. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng không có nên chị T không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 27/10/2017, các biên bản hòa giải ngày 27/10/2017, ngày 16/11/2010, anh Phan Thành N, là bị đơn trình bày: anh N và chị T có chung sống và xảy ra mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng. Nay anh N xét thấy dù đã cố gắng nhiều lần nhưng vợ chồng không thể hàn gắn được mâu thuẫn để chung sống tiếp và hiện nay anh N không còn biện pháp nào để hàn gắn. Tuy nhiên, việc vợ chồng chung sống không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn làm cho anh N gặp cú sốc về T lý và đảo lộn cuộc sống nên anh N không đồng ý ly hôn với chị T, anh yêu cầu được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái và cũng để anh có thời gian ổn định T lý. Nếu phải ly hôn thì anh N yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

* *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh B phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Chị T đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn là anh Phan Thành N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị Ong Ngọc T và anh Phan Thành N chung sống có đăng ký kết hôn. Qua phần trình bày của chị T và anh N, cũng như các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định chị T và anh N có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, anh N cũng không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N.

+ Về con chung: Đề nghị giao cả 02 con chung là cháu Phan Minh Hòa, sinh ngày 09/10/2004 và cháu Phan Minh Thuận, sinh ngày 09/10/2004 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: do chị Ong Ngọc T và anh Phan Thành N đều không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

* Về mặt thủ tục tố tụng: anh N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh N, là bị đơn tại phiên tòa là phù hợp

* Về mặt nội dung: chị T và anh N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố B, tỉnh B vào ngày 09/03/2005 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng: cả chị T và anh N đều thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cãi vã và xảy ra xô xát, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ tháng 4/2017 đến nay anh chị đã không còn chung sống. Anh N không đồng ý ly hôn nhưng bản thân anh cũng nhận thấy vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, trong suốt thời gian ly thân vừa

qua anh cũng không có biện pháp khắc phục tình trạng trầm trọng trong mối quan hệ hôn nhân của anh chị để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, bền vững. Hôn nhân phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm xuất phát từ hai phía vợ và chồng nhưng hiện tại chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và qua nhiều lần động viên hàn gắn đoàn tụ của Tòa án nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn. Đồng thời vào ngày 06/12/2017 Tòa án đã tiến hành xác minh bà Thái Thị Huỳnh Thảo, là Chủ tịch hội phụ nữ Phường 3, thành phố B thì bà Thảo xác định vợ chồng chị T và anh N có xảy ra mâu thuẫn và hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau. Từ những nhận định trên, Tòa án có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N là phù hợp.

- Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh và lời trình bày của chị T và anh N thì Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định cháu Phan Minh Hòa, sinh ngày 09/10/2004 và cháu Phan Minh Thuận, sinh ngày 09/10/2004 là con chung của chị T và anh N. Khi ly hôn anh N yêu cầu được nuôi cả hai con thì chị T cũng đồng ý. Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T và anh N là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hòa và cháu Thuận. Mặt khác, hiện nay các cháu đang sống ổn định với anh N, để tránh xáo trộn T lý và điều kiện sinh hoạt, học tập của con chung nên việc giao cả 02 con cho anh N nuôi dạy là phù hợp, không trái đạo đức xã hội, cũng như không trái quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cháu Hòa và cháu Thuận cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tòa án không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con do anh N không có yêu cầu.

Chị Ong Ngọc T có quyền, N vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: chị Ong Ngọc T và anh Phan Thành N thống nhất xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: chị Ong Ngọc T và anh Phan Thành N thống nhất xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không tiến hành xem xét giải quyết.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, như đã phân tích ở trên là có cơ sở, phù hợp với nội dung vụ án nên được chấp nhận toàn bộ.

- Về án phí: chị Ong Ngọc T là nguyên đơn xin ly hôn phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81 và Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ong Ngọc T đối với anh Phan Thành N;

Xử cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa chị Ong Ngọc T đối với anh Phan Thành N.

2/. Về con chung: Giao cháu Phan Minh Hòa, sinh ngày 09/10/2004 và cháu Phan Minh Thuận, sinh ngày 09/10/2004 cho anh Phan Thành N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (hiện các cháu Minh Hòa và Minh Thuận đang sống cùng anh N). Chị Ong Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu.

Chị Ong Ngọc T có quyền, N vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3/. Về tài sản chung: chị Ong Ngọc T và anh Phan Thành N xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/. Về nợ chung: chị Ong Ngọc T và anh Phan Thành N xác định không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại lai thu số 0007717 ngày 11/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, nay được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị T có quyền kháng cáo bản án. Riêng anh Phan Thành N vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh B;
- VKSND TP B;
- THA TP B;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Duy Khánh

